

PHỤ LỤC

**DỰ TOÁN GIAO MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN 3
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2022
(phân bổ đợt 1)**

ĐƠN VỊ: SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH & XÃ HỘI TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-LĐTĐ ngày tháng năm 2022 của Sở Lao động - TB&XH)

STT	Nội dung	Tổng cộng	Trong đó	
			Văn phòng Sở	
			Vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương	Vốn sự nghiệp ngân sách địa phương
A	B	1=2+3	2	3
	DỰ TOÁN CHI	13.999	11.550	2.449
A	CHI DO NSNN CẤP	9.980	9.980	0
I	Chi sự nghiệp đào tạo (L070)	5.185	5.185	0
1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	5.185	5.185	0
1.1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (MSCT 0510)	286	286	0
1.1.1	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (MSCT: 0510; MSDA: 0515); (L070-K098)	283	283	0
	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	283	283	
1.1.2	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình (MSCT: 0510; MSDA: 0515); (L070-K098)	3	3	0
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	3	3	
1.2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (MSCT: 0470)	4.899	4.899	0
1.2.1	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (MSCT: 0470; MSDA: 0474); (L070-K098)	4.899	4.899	0
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	3.078	3.078	
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	188	188	
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	1.633	1.633	
II	Chi sự nghiệp xã hội (L370)	4.795	4.795	0
1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	4.795	4.795	0

			Văn phòng Sở	
			Vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương	Vốn sự nghiệp ngân sách địa phương
1.1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (MSCT: 0470)	4.795	4.795	0
1.1.1	<i>Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (MSCT: 0470; MSDA: 0472); (L370-K398)</i>	2.603	2.603	0
	Xây dựng mô hình giảm nghèo liên kết chuỗi giá trị, hỗ trợ cộng đồng	2.500	2.500	
	Chi xây dựng, quản lý Dự án mô hình	103	103	
1.1.2	<i>Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo thông tin (MSCT: 0470; MSDA: 0476); (L370-K398)</i>	442	442	0
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	442	442	
1.1.3	<i>Dự án 7: Nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá chương trình (MSCT: 0470; MSDA: 0477); (L370-K398)</i>	1.750	1.750	0
1.1.3.1	<i>Nâng cao năng lực</i>	655	655	0
	- Tập huấn NCNL cho cán bộ làm công tác giảm nghèo; Tập huấn NCNL cho cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo	240	240	
	Chi tổ chức, học tập kinh nghiệm	150	150	
	Chi xây dựng, in ấn sổ tay hướng dẫn và các tài liệu chuyên môn khác phục vụ chương trình	265	265	
1.1.3.2	<i>Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình</i>	1.095	1.095	0
	Chi điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo	360	360	
	Chi xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo	700	700	
	Chi kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện Chương trình	35	35	
B	DỰ TOÁN CHƯA PHÂN BỐ	4.019	1.570	2.449
I	Chi sự nghiệp đào tạo (L070)	3.630	1.570	2.060
1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	3.630	1.570	2.060
1.1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (MSCT: 0470)	490	0	490
1.1.1	<i>Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (MSCT: 0470; MSDA: 0474); (L070-K098)</i>	490	0	490
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	308		308
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	19		19
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	163		163
1.2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	3.140	1.570	1.570

			Văn phòng Sở	
			Vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương	Vốn sự nghiệp ngân sách địa phương
	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường	3.140	1.570	1.570
II	Chi sự nghiệp xã hội (L370)	389	0	389
1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	389	0	389
1.1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (MSCT: 0470)	389	0	389
1.1.1	<i>Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (MSCT: 0470; MSDA: 0472); (L370-K398)</i>	260	0	260
	Xây dựng mô hình giảm nghèo liên kết chuỗi giá trị, hỗ trợ cộng đồng	250		250
	Chi xây dựng, quản lý Dự án mô hình	10		10
1.1.2	<i>Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo thông tin (MSCT: 0470; MSDA: 0476); (L370-K398)</i>	44	0	44
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	44		44
1.1.3	<i>Dự án 7: Nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá chương trình (MSCT: 0470; MSDA: 0477); (L370-K398)</i>	85	0	85
1.1.3.2	<i>Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình</i>	85	0	85
	Chi kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện Chương trình	85		85
Mã số đơn vị quan hệ ngân sách			1023961	

PHỤ LỤC

**DỰ TOÁN GIAO MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN 3
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2022
(phân bổ đợt 1)**

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH & XÃ HỘI TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-LĐTĐ ngày tháng năm 2022 của Sở Lao động - TB&XH)

STT	Nội dung	Tổng cộng	Trong đó	
			Văn phòng Sở	
			Vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương	Vốn sự nghiệp ngân sách địa phương
A	B	1=2+3	2	3
	DỰ TOÁN CHI	13.999	11.550	2.449
A	CHI DO NSNN CẤP	9.980	9.980	0
I	Chi sự nghiệp đào tạo (L070)	5.185	5.185	0
1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	5.185	5.185	0
1.1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (MSCT 0510)	286	286	0
1.1.1	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (MSCT: 0510; MSDA: 0515); (L070-K098)	283	283	0
	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	283	283	
1.1.2	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình (MSCT: 0510; MSDA: 0515); (L070-K098)	3	3	0
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	3	3	
1.2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (MSCT: 0470)	4.899	4.899	0
1.2.1	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (MSCT: 0470; MSDA: 0474); (L070-K098)	4.899	4.899	0
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	3.078	3.078	
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	188	188	
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	1.633	1.633	
II	Chi sự nghiệp xã hội (L370)	4.795	4.795	0
1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	4.795	4.795	0

			Văn phòng Sở	
			Vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương	Vốn sự nghiệp ngân sách địa phương
1.1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (MSCT: 0470)	4.795	4.795	0
1.1.1	<i>Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (MSCT: 0470; MSDA: 0472); (L370-K398)</i>	2.603	2.603	0
	Xây dựng mô hình giảm nghèo liên kết chuỗi giá trị, hỗ trợ cộng đồng	2.500	2.500	
	Chi xây dựng, quản lý Dự án mô hình	103	103	
1.1.2	<i>Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo thông tin (MSCT: 0470; MSDA: 0476); (L370-K398)</i>	442	442	0
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	442	442	
1.1.3	<i>Dự án 7: Nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá chương trình (MSCT: 0470; MSDA: 0477); (L370-K398)</i>	1.750	1.750	0
1.1.3.1	<i>Nâng cao năng lực</i>	655	655	0
	- Tập huấn NCNL cho cán bộ làm công tác giảm nghèo; Tập huấn NCNL cho cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo	240	240	
	Chi tổ chức, học tập kinh nghiệm	150	150	
	Chi xây dựng, in ấn sổ tay hướng dẫn và các tài liệu chuyên môn khác phục vụ chương trình	265	265	
1.1.3.2	<i>Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình</i>	1.095	1.095	0
	Chi điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo	360	360	
	Chi xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo	700	700	
	Chi kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện Chương trình	35	35	
B	DỰ TOÁN CHƯA PHÂN BỐ	4.019	1.570	2.449
I	Chi sự nghiệp đào tạo (L070)	3.630	1.570	2.060
1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	3.630	1.570	2.060
1.1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (MSCT: 0470)	490	0	490
1.1.1	<i>Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (MSCT: 0470; MSDA: 0474); (L070-K098)</i>	490	0	490
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	308		308
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	19		19
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	163		163
1.2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	3.140	1.570	1.570

			Văn phòng Sở	
			Vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương	Vốn sự nghiệp ngân sách địa phương
	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường	3.140	1.570	1.570
II	Chi sự nghiệp xã hội (L370)	389	0	389
1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	389	0	389
1.1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (MSCT: 0470)	389	0	389
1.1.1	<i>Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (MSCT: 0470; MSDA: 0472); (L370-K398)</i>	260	0	260
	Xây dựng mô hình giảm nghèo liên kết chuỗi giá trị, hỗ trợ cộng đồng	250		250
	Chi xây dựng, quản lý Dự án mô hình	10		10
1.1.2	<i>Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo thông tin (MSCT: 0470; MSDA: 0476); (L370-K398)</i>	44	0	44
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	44		44
1.1.3	<i>Dự án 7: Nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá chương trình (MSCT: 0470; MSDA: 0477); (L370-K398)</i>	85	0	85
1.1.3.2	<i>Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình</i>	85	0	85
	Chi kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện Chương trình	85		85
Mã số đơn vị quan hệ ngân sách			1023961	